

VỀ VIỆC NGHIÊN CỨU CÚ BỊ BAO¹ TRONG CÂU TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG ANH

NGUYỄN THỊ THANH TÂM*

TÓM TẮT

Cú pháp câu là đối tượng nghiên cứu quan trọng của ngôn ngữ học, trong đó cú bị bao (CBB) được các tác giả đặc biệt quan tâm. Trên cơ sở khảo sát ý kiến và hướng nghiên cứu của các nhà Việt ngữ học và Anh ngữ học về CBB, bài viết cung cấp cho độc giả những quan điểm về thuật ngữ, về cách phân loại câu có chứa CBB và những ý kiến khác nhau về CBB trong câu tiếng Việt và tiếng Anh.

Từ khóa: cú bị bao.

ABSTRACT

Regarding the study on embedded clauses in Vietnamese and English sentences

Sentence structures are important study objects in linguistics, in which embedded clauses raise great concern of linguists. Based on the research of Vietnamese and English linguists' opinion and study orientation, this article provide readers with different viewpoints of terminologies, the classification of sentences containing embedded clauses and different opinions about embedded clause in Vietnamese and English sentences.

Keywords: embedded clause.

1. Đặt vấn đề

Cú pháp giữ vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, mà trong đó câu là thành phần cốt lõi. Do chịu ảnh hưởng của ngữ pháp truyền thống châu Âu, nên suốt một thời gian dài, các nhà Việt ngữ học tập trung vào việc khảo sát từ loại mà ít chú ý đến cú pháp. Nửa sau thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu đã bắt đầu nhận ra đặc thù của tiếng Việt là một ngôn ngữ đơn lập, không biến hình và trật tự từ trong câu có vai trò quan trọng trong việc chi phối nghĩa của câu. Từ đó, nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt đã chuyển trọng tâm từ

nghiên cứu từ loại sang nghiên cứu câu. Những trường phái ngữ pháp truyền thống, tạo sinh, miêu tả hay chức năng đều nghiên cứu câu và các thành phần của câu. Với những cấu trúc câu đa dạng và phức tạp, câu trong tiếng Việt là đối tượng thu hút sự quan tâm của các nhà ngôn ngữ học trong và ngoài nước.

Mặc dù các nhà Việt ngữ, Anh ngữ học có nhiều nghiên cứu về CBB nhưng họ vẫn chưa thống nhất về thuật ngữ và quan điểm. Các nhà nghiên cứu Anh ngữ cũng vậy. Bài viết này nhằm giới thiệu những ý kiến khác nhau của các tác giả về CBB trong câu tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Ý kiến của các nhà ngữ học về cú bị bao

* NCS, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG TP HCM

2.1. Về cú bị bao trong câu tiếng Việt

Nghiên cứu về CBB xuất hiện vào khoảng thập niên 30 của thế kỉ XX với các tác giả như Trần Trọng Kim, Bùi Kỳ, Phan Khôi... Có thể nói nghiên cứu câu tiếng Việt lúc này chịu ảnh hưởng các khuôn mẫu của ngữ pháp châu Âu và cấu trúc câu tiếng Pháp rất nhiều. Về sau, do tiếp thu được nhiều thành tựu nghiên cứu ngôn ngữ học ở các nước, nên các nhà Việt ngữ học dần dần thay đổi quan điểm nghiên cứu.

Về mặt thuật ngữ, CBB có 3 cách gọi phổ biến là *mệnh đề*, *cú*, và *câu*. Khái niệm *mệnh đề* bắt đầu từ các tác giả như Trần Trọng Kim [9], Bùi Đức Tịnh [16] về sau có Diệp Quang Ban [2], Nguyễn Chí Hòa [7], Panfilov V. S. [17]. Một số tác giả khác gọi CBB là *cú* như Lưu Vân Lăng (*cú con*) [10], Cao Xuân Hạo, Hoàng Xuân Tâm, Vũ Văn Bằng, Bùi Tất Tuom [5], Vũ Thị Ân, Nguyễn Thị Ly Kha (*tiểu cú*), Hoàng Văn Vân (*cú bị bao*)... CBB còn được gọi là *câu* bởi các tác giả Diệp Quang Ban (*câu bị bao*) [1], Hoàng Trọng Phiến (*câu con*) [5]...

Các nhà nghiên cứu cũng chưa thống nhất về cách phân loại câu có chứa CBB. Một số tác giả cho rằng câu có chứa CBB là *câu đơn* như Lưu Vân Lăng [10], Nguyễn Chí Hòa [7], Đỗ Thị Kim Liên [11]... Trong khi đó, theo các nhà nghiên cứu khác như Diệp Quang Ban [1] [2], Cao Xuân Hạo [5], Nguyễn Thiện Giáp [4], Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp [15]... thì câu có chứa CBB là *câu phức*. Ngoài ra còn có các ý kiến khác như Hoàng Trọng Phiến [5] cho là

câu trung gian, và Panfilov V. S. gọi là *câu có thành phần lồng ghép*.

Năm 1936, trong quyển *Việt-nam Văn-phạm* [9], Trần Trọng Kim đã nghiên cứu cách thành lập câu với các mệnh đề, ông gọi CBB là “mệnh đề”. Theo ông, mệnh đề có thể là một câu hay một vế trong câu. Ông nêu các ví dụ: “*Con chim bay.*” là câu có một mệnh đề, trong câu “*Ta đừng mong nó giúp ta.*” có cụm chủ-vị (C-V) làm bổ ngữ, “*nó giúp ta*” là mệnh đề bổ túc. Ông cũng nghiên cứu CBB làm định ngữ trong danh ngữ và gọi CBB làm định ngữ là “mệnh đề chỉ định”, ông cho rằng câu “*Con ngựa mà anh ta nói hôm nọ hôm nay thi được giải nhất.*” có CBB “*mà anh ta nói hôm nọ*” là mệnh đề chỉ định. Trong quyển *Văn phạm Việt Nam*, tác giả Bùi Đức Tịnh cũng đề cập CBB và có cùng quan điểm với Trần Trọng Kim. Ông nêu các trường hợp của CBB làm thành phần như sau: a) *Mệnh đề bổ túc làm bổ túc ngữ thuộc động*, b) *Mệnh đề bổ túc làm phụ thích ngữ cho danh từ*, c) *Mệnh đề bổ túc làm bổ túc ngữ của tính từ*, d) *Mệnh đề bổ túc làm thuộc ngữ*, e) *Mệnh đề bổ túc làm chủ ngữ*. [16, 358-359]

Phan Khôi đã bắt đầu nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt và phân tích thành phần câu từ năm 1950. Ông giới thiệu quyển *Việt ngữ nghiên cứu* với quan điểm “cú bản vị”, phải lấy tổ chức câu làm gốc, làm thành phần chính trong việc dạy văn pháp. Nhưng ông chỉ đề cập CBB làm chủ ngữ, ông gọi CBB làm chủ ngữ là “chủ từ tổng hợp”. Ông cũng khẳng định rằng chúng ta phải dùng “chủ

từ tổng hợp” hay CBB làm chủ ngữ vì trong tiếng Việt không có những danh từ chỉ những “sự”, “việc” tương ứng và đưa ra một số ví dụ tiếng Pháp để minh họa. [8,135]

Hoàng Trọng Phiến cũng đặc biệt chú trọng đến phân tích câu. Ông viết: *“Hệ thống thành phần câu được phân thành ba cấp: các thành phần chính, các phần thứ, và các thành phần phụ thuộc.”* [12, 109] và *“kết cấu C-V là đơn vị cú pháp nhỏ nhất của tiếng Việt”* [12, 80]. Ông gọi kết cấu C-V làm thành phần câu là “câu con”, *“các câu con (hay là các kết cấu chủ-vị) khi được dùng để mở rộng thành phần câu, thành phần đoạn ngữ chúng vẫn giữ đặc điểm của câu về mặt cấu trúc”*. Ông gọi việc sử dụng CBB làm thành phần câu là *“quá trình phức tạp hóa câu đơn”* và viết *“quá trình phức tạp hóa câu đơn thường bao gồm nhiều tầng, nhiều lớp.”* [12, 186].

Trong quyển *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng – Từ ghép – Đoạn ngữ* năm 1981, Nguyễn Tài Cần xét CBB làm định tố trong danh ngữ. Ông nhấn mạnh *“CBB làm định tố cho danh ngữ nêu lên một việc dùng để giải thích thêm cái nội dung của điều nói ở trung tâm.”* [3, 245]

Lưu Văn Lăng phân tích câu theo “ngữ đoạn tầng bậc có hạt nhân” với quan điểm câu được tạo thành do những yếu tố nòng cốt làm hạt nhân phát triển thêm yếu tố phụ. Ông gọi CBB là “cú con”. Ông cũng có cùng quan điểm với Diệp Quang Ban khi cho rằng *“Có dựa vào cú mới xác định được các loại câu về mặt cấu trúc, mới vạch được ranh giới*

giữa câu đơn và câu kép.” [10, 26]

Mặc dù phân tích câu theo hướng tiếp cận ngữ pháp chức năng nhưng tác giả Cao Xuân Hạo vẫn đề cập CBB trong quyển *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt* (tập 1). Ông gọi CBB là “tiểu cú”. Theo ông, khi Đề hoặc Thuyết bậc 1 do một cấu trúc Đề – Thuyết bậc 2 (tiểu cú) cấu tạo, ta có câu hai bậc” và “những câu mà thành phần chính được tổ chức như một tiểu cú (câu nhỏ trong câu) mới xứng đáng được gọi là câu phức. [5, 87]

Trong các nghiên cứu về câu, Diệp Quang Ban, trong quyển *Ngữ pháp tiếng Việt*, [1, 288-291] đã vạch rõ vị trí và chức năng của CBB là để phân biệt câu ghép và câu phức, ông gọi CBB là “câu bị bao”. Ông xét câu bị bao với phần có liên quan với nó là quan hệ cú pháp – ngữ nghĩa bên trong một câu, chứ không phải quan hệ giữa hai câu. Ông cho rằng, dạng câu là một bộ phận nằm bên trong một câu hay bị bao bên trong một câu làm thành một câu phức; và mỗi dạng câu có tính độc lập tương đối, chúng ghép lại với nhau, không câu nào bao câu nào, làm thành câu ghép.

Nhưng trong quyển *Ngữ pháp Việt Nam* xuất bản năm 2009 [2], Diệp Quang Ban không dùng thuật ngữ “câu bị bao” nữa mà gọi là “mệnh đề bị bao”. Trong khi vấn đề có hay không có câu bị động trong tiếng Việt là vấn đề đang gây tranh cãi và vẫn chưa thể kết luận câu bị động có phải là câu phức có chứa CBB hay không vì có nhiều ý kiến khác nhau về hai từ “bị” và “được”, thì Diệp Quang Ban khẳng định câu bị động là câu phức

có “*vị ngữ là một mệnh đề bị bao, trong đó chủ ngữ có thể vắng mặt, vị tố trong mệnh đề bị bao chứa động từ ngoại động. Chủ ngữ của mệnh đề nằm ngoài cùng và của mệnh đề bị bao không trùng nhau*” [2, 213]. Ông cũng có ý kiến khác với các tác giả khác như Đỗ Thị Kim Liên [11], Nguyễn Chí Hòa [7]... khi cho rằng mệnh đề bị bao làm yếu tố phụ miêu tả (định ngữ) của danh từ không thuộc bậc câu, cho nên không được coi là thành phần câu, nhưng câu có chứa mệnh đề bị bao dạng này lại là câu phức. Trong quyển *Ngữ pháp tiếng Việt* [1], ông phân tích câu “*Cây này// lá/ vàng*” là câu phức có vị ngữ là CBB “*lá/ vàng*”, nhưng trong quyển *Ngữ pháp Việt Nam* [2] ông lại thay đổi quan điểm và phân tích câu “*Cây này lá // vàng*” là câu đơn, có đề ngữ là “*Cây này*”, “*lá*” là chủ ngữ, “*vàng*” là vị tố [2, 210-211]. Ông viết, “*Mệnh đề bị bao có thể là một yếu tố thuộc bậc câu như chủ ngữ, bổ ngữ, đề ngữ, và gia ngữ*” [2, 210].

Cùng quan điểm với Diệp Quang Ban, Nguyễn Thiện Giáp cho rằng câu đơn là câu chỉ gồm một kết cấu C-V, câu phức là câu có 2 kết cấu C-V trở lên, trong đó chỉ 1 kết cấu C-V là nòng cốt còn những kết cấu C-V khác bị giáng cấp làm bộ phận của kết cấu nòng cốt, và câu ghép là câu hình thành bằng cách liên kết 2 câu trở lên. Trong các câu được ghép như vậy không có câu nào mất cương vị câu, không bị giáng cấp để trở thành một bộ phận của câu khác [4, 294].

Cùng nghiên cứu kết cấu C-V như các nhà ngữ học khác, Lê Xuân Thai lập

một hệ thống các kiểu cấu trúc C-V tiếng Việt, trong đó có một số cấu trúc có CBB làm chủ ngữ hoặc vị ngữ [13, 88-89].

Trong quyển *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, năm 1997 [14, 582], Nguyễn Kim Thản có quan điểm khác với Diệp Quang Ban hay Nguyễn Thiện Giáp. Ông cũng phân tích câu theo kết cấu C-V và CBB làm thành phần nhưng chia câu thành 2 loại: câu đơn giản và câu phức hợp. Câu phức hợp được chia thành 2 loại: câu phức hợp liên hợp và câu phức hợp có quan hệ qua lại.

So với các tác giả khác thì Nguyễn Minh Thuyết và Nguyễn Văn Hiệp trình bày cụ thể và chi tiết hơn về CBB làm thành phần câu trong quyển *Thành phần câu tiếng Việt*, năm 1998 [15]. Các tác giả đã liệt kê trường hợp chủ ngữ là CBB khi vị ngữ là các động từ biểu thị các hành vi tác động đến đối tượng và phân loại chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ theo cấu tạo nội bộ với những trường hợp CBB có thể làm chủ ngữ, vị ngữ và bổ ngữ.

Nguyễn Văn Hiệp phân tích các trường hợp CBB có thể làm thành phần trong câu trong quyển *Cú pháp tiếng Việt* [6]. Ông phân loại chủ ngữ, vị ngữ, và bổ ngữ theo cấu tạo [6, 141-156]. Ông xem xét bổ ngữ trong kết cấu câu cầu khiến. Ông nêu hai ví dụ “*Bố luôn bắt tôi// cố gắng học tập.*” và “*Anh ta nhờ tôi// trông coi ngôi nhà.*” Theo ý ông, “*Một số sách ngữ pháp trước đây cho rằng bổ ngữ trong các câu này là một kết cấu C-V (tôi// cố gắng học tập, và tôi// trông coi ngôi nhà).* Chúng tôi cho rằng cách phân tích này không thuyết phục, do không

phân biệt được quan hệ logic-ngữ nghĩa và quan hệ ngữ pháp trong câu [6, 181]. Ông cho rằng CBB là phạm vi để xác định câu phức, “câu phức là những câu có ít nhất một trong những thành phần nòng cốt của nó có dạng kết cấu C-V” [6, 355]. Cũng giống như Phan Khôi, ông đồng ý với quan điểm danh hóa kết cấu C-V bằng những từ “sự” và “việc”: *Cô ấy ra đi khiến tôi buồn vô hạn. → Sự ra đi của cô ấy / Việc cô ấy ra đi khiến tôi buồn vô hạn* [6, 358].

Trong khi các nhà ngữ học khác cho rằng câu có chứa CBB là câu phức thì Đỗ Thị Kim Liên [11, 79] cho rằng câu có chứa CBB là câu đơn, có thành phần mở rộng là một kết cấu C-V, với ví dụ “*Gần sáng// là lúc người ta/ ngủ say nhất*”. Bà cũng cho rằng cụm từ C-V là cụm từ mà giữa hai thành phần C-V có tác động qua lại lẫn nhau, tồn tại nương tựa nhau và cùng mang ý nghĩa tương thuật, là một đơn vị có cấu trúc cao hơn từ, gần giống trúc câu bình thường nhưng chưa thành câu – *Cô gái mà anh/ gặp hôm qua// rất vui tính*.

Nguyễn Chí Hòa [7] gọi câu có chứa CBB là “câu đơn phức tạp hóa” và CBB là “mệnh đề”. Ông xét CBB làm chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, và định ngữ của danh ngữ. Ông dẫn ra hàng loạt ví dụ và các trường hợp sử dụng CBB, ông liệt kê các nhóm vị từ có bổ ngữ là CBB. Ông ủng hộ quan điểm CBB có thể làm vị ngữ trong câu. Những tác giả khác như Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Minh Thuyết, Hoàng Trọng Phiến xem CBB đứng sau vị từ “là”, “trở thành”, “trở nên” là bổ

ngữ thì Nguyễn Chí Hòa phân tích CBB ở vị trí này là vị ngữ. Ông viết:

Vị ngữ trong câu đồng nhất được mở rộng thành mệnh đề:

Có một điều rất kì lạ là những con người man rợ này/ lại biết vẽ.

Vị ngữ có thể là kết cấu: trở thành/ trở nên + (C-V):

Hiện nay, Việt Nam đang trở thành một trong những thị trường hàng không của khu vực Đông Nam Á được nhiều nước chú ý. [7, 350-351]

Có thể nói Nguyễn Chí Hòa nghiên cứu cú pháp tiếng Việt dựa trên cú pháp tiếng Anh khi ông cho ví dụ câu: “*Người lính đứng cạnh binh trạm trường đang giờ số ra ghi*” và cho rằng câu có CBB làm định ngữ “*người/ đứng cạnh binh trạm trường*” bổ nghĩa cho danh từ trung tâm “*người lính*” và ông viết: “*Trong mệnh đề định ngữ có thể có một bộ phận nào đó đồng sở chỉ với danh từ trung tâm. Bộ phận này lại giữ chức năng nhất định trong định ngữ. Trong tất cả những vị trí này danh từ đồng sở chỉ bị loại bỏ bên trong mệnh đề định ngữ*” [7, 361]. Ông không đồng ý với cách phân tích “*Người lính đứng cạnh binh trạm trường*” là CBB làm chủ ngữ và vị ngữ là “*đang giờ số ra ghi*”. [7, 361]. Giống như Anne Seaton A. [19], Swan M. [25] phân tích câu *Whoever (= The person who) broke into the apartment left the fingerprints everywhere* (Người đột nhập vào căn hộ để lại dấu tay khắp nơi) và theo ông, mệnh đề định ngữ có tính phân bổ tự do [7, 361], trong khi đó các tác giả khác như Nguyễn Tài Căn, Diệp Quang

Ban, Nguyễn Văn Hiệp... khẳng định CBB làm định ngữ có tính cố định.

Các ngôn ngữ học nước ngoài cũng dành rất nhiều sự quan tâm đến nghiên cứu Việt ngữ, và điển hình là Panfilov V.S. Trong quyển *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt* của ông, chương XII “Câu có thành phần lồng ghép” [17, 180-188] viết về CBB, ông gọi CBB là “thành phần lồng ghép” hay là “mệnh đề được lồng ghép”. Ông tập hợp các chức năng cú pháp cơ bản của CBB thành hai nhóm: nhóm thứ nhất là mệnh đề được lồng ghép có chức năng vị từ, xem xét các vị ngữ là mệnh đề (mệnh đề vị ngữ) và định ngữ là mệnh đề (mệnh đề định ngữ); nhóm thứ hai là mệnh đề lồng ghép có chức năng thể từ, bao gồm mệnh đề chủ ngữ và mệnh đề bổ ngữ.

Mặc dù các nhà Việt ngữ học có ý kiến khác nhau về thuật ngữ, cách phân loại câu có chứa CBB, và hướng nghiên cứu CBB, nhưng họ đều thừa nhận vị trí quan trọng của CBB trong câu tiếng Việt.

2.2. Về CBB trong câu tiếng Anh

Một số nhà ngôn ngữ học cũng rất quan tâm đến câu và các thành phần bị bao trong câu tiếng Anh.

Về mặt thuật ngữ, các nhà Anh ngữ học hầu như thống nhất với nhau và cùng dùng tên gọi “Embedded Clause” (CBB), chỉ riêng Fromkin V. và Rodman R. gọi là “Embedded Sentence” (câu bị bao). Họ đều cho rằng câu có chứa CBB là câu phức (complex sentence).

Chomsky A.N., nhà ngôn ngữ học người Mỹ, nổi tiếng với quyển sách *Syntactic Structures* được viết năm 1957.

Ông nghiên cứu cấu trúc CBB nhưng đặt trọng tâm vào nghĩa của câu. Ông đưa ra những ví dụ câu hoàn toàn đúng ngữ pháp nhưng vô nghĩa. Trong quyển *Functional Grammar*, Halliday nghiên cứu chức năng của CBB, ông nêu những chức năng của CBB là bổ nghĩa, chi tiết hóa và mở rộng câu.

Về sau, có hai hướng nghiên cứu: Một là xem CBB gồm cú danh ngữ (noun clause) giữ chức năng chủ ngữ và bổ ngữ trong câu, cú trạng ngữ không có liên từ (adverbial clause without conjunction), và cú định ngữ (relative clause) làm định ngữ của câu hay định ngữ của danh ngữ, với các tác giả như Aart B., Cobuild C., Finegan E., Yule G., Jackson H., David J., Cawley Mc, Collins P., Hollo C., Rochemont M.S., Huddleston R, Borsley R.D., Robert D., Van J.R., Culicover P.W., Jacobs R.A., Fromkin V., Rodman R...; hai là xem CBB gồm có cú danh ngữ, cú trạng ngữ không có liên từ, cú định ngữ, và các câu đơn kết hợp với nhau bằng liên từ cũng là CBB. (“*Embedded clauses can be conjoined with others to form compound sentences*”) [23, 299-300] với các tác giả như Carter R., Carthy Mc., Kaplan J.P... Họ cho rằng mệnh đề trạng ngữ (adverbial clauses) có liên từ cũng là CBB.

Jackson H. [22, 35] đưa ra ý kiến là trong tiếng Anh khi CBB giữ chức năng chủ ngữ, người ta thường sử dụng chủ ngữ giả IT ở vị trí của chủ ngữ và CBB được đặt ở cuối câu vì tiếng Anh có khuynh hướng đặt những thành phần câu

dài, nhiều từ ở cuối câu, theo nguyên tắc “trọng hậu” (“*When a that-clause functions as subject, it is normally the case that a dummy IT functions in subject position, and the that-clause is extraposed... English tends to consign long and weighty elements to the end of a clause, according to the principle of end-weight*”). Jackson H. chú trọng đến CBB có vị từ không biến ngôi hơn CBB có vị từ biến ngôi.

Seaton A., trong quyển *Focus on Grammar* năm 2007 [19, 467-477], xem xét các CBB trong ngữ cảnh. Bà đưa ra các ví dụ về CBB và cho nhận xét. Bà liệt kê một số vị từ có bổ ngữ là CBB và các tính từ mà sau nó là CBB. Trong khi một số tác giả khác như Finegan E., Yule G., Huddleston R... cho rằng các CBB bắt đầu bằng các đại từ *whoever, whatever, whichever, whenever...* giữ chức năng của một cú danh ngữ (noun clause) làm chủ ngữ hoặc bổ ngữ, thì Seaton A. phân tích các CBB dạng này là “Nominal relative clauses” (cú danh ngữ tương quan - CBB làm định ngữ trong danh ngữ bắt đầu bằng các đại từ *whoever, whatever, và whichever...*). Bà cho ví dụ: ***Whoever*** (=The person who) ***broke into the apartment left the fingerprints everywhere*** (Người đột nhập vào căn hộ để lại dấu tay khắp nơi). Bà cũng đề cập cú quan hệ đẳng kết (Co-ordinate relative clauses) trong trường hợp phải đặt thêm đại từ quan hệ.

Cũng cùng quan điểm với Seaton A., Swan M. [25, 493] cho ví dụ: ***Take whatever you want*** và phân tích

whatever tương đương với *anything that*, nên CBB ***whatever you want*** là “Nominal relative clause”.

Cobuild C. cũng vậy, ông không đồng ý với ý kiến những CBB bắt đầu bằng “*what*” là “noun clause” (CBB có chức năng như một danh ngữ), ông gọi những CBB dạng này là “Nominal relative clause”. Ông chỉ cho ví dụ và gọi tên nhưng không phân tích thêm: ***What he/ really needs// is a cup of tea*** (Cái mà anh ta thật sự cần tới là một tách trà). [21, 616-617]

Berk L.M. [26] cũng cùng quan điểm với nhà nghiên cứu Việt ngữ Lưu Văn Lăng khi nghiên cứu CBB theo tầng, bậc của câu. Berk xem CBB như một ngữ danh từ và quan tâm đến cấu trúc nội tại của CBB, vị từ của CBB làm bổ ngữ bị chi phối bởi vị từ chính của câu. Bà cho rằng có hai loại CBB làm bổ ngữ là “factive” và “non-factive”, tùy theo nội dung của CBB.

So với các tác giả khác thì Jacobs R.A. [17] viết về CBB chi tiết hơn. Ông xem CBB như một thành tố của vị ngữ giữ chức năng bổ ngữ, dùng sơ đồ cây (tree diagram) để phân tích câu chứa CBB có cấu trúc “IT-Clefts” và “WH-Clefts” [17, 178], hai cấu trúc nhân mạnh chủ ngữ, bổ ngữ, hoặc trạng ngữ. Ông đưa các cách biến đổi cấu trúc câu có chứa CBB và phân tích các tác tử phụ ngữ hóa (complementizers) được sử dụng để phân biệt cú độc lập và CBB trong câu tiếng Anh. Ông nghiên cứu các CBB có vị từ chính không được chia. Sau khi xem xét các mối quan hệ

ngữ pháp nội tại của các CBB, ông cho rằng vị từ của CBB tiếng Anh thường là vị từ tình thái (modal verbs) hoặc các vị từ thường (ordinary verbs) được chia theo thì hiện tại hoặc quá khứ [17, 61]. Jacobs cũng phân tích lý do tại sao khi sử dụng CBB trong câu tiếng Anh cần phải có Filler “IT” làm “extraposition subject” (chủ ngữ giả) và khẳng định rằng không phải ngôn ngữ nào cũng có Filler “IT”.

Trong khi các nhà nghiên cứu Anh ngữ cho rằng đại từ quan hệ (relative pronoun) THAT không thể được sử dụng trong CBB làm định ngữ không hạn định thì Huddleston R. có ý kiến hoàn toàn ngược lại [28, 162]. Ông đưa ra ví dụ: *The suggestion, **that** he should resign, was outrageous*, nhưng không giải thích quan điểm của mình.

Azar B.S., trong quyển *Fundamentals of English Grammar* năm 2011 [20], cho khá nhiều ví dụ về CBB làm bổ ngữ, bà liệt kê các vị từ và các cụm từ (common expressions) có bổ ngữ là CBB, bà viết rõ về CBB làm định ngữ của danh ngữ nhưng bà không đề cập CBB làm chủ ngữ.

Khi bàn về CBB làm định ngữ, Hewings M. khẳng định CBB làm định ngữ không hạn định (non-restrictive relative clause) bổ nghĩa cho một danh từ sở chỉ xác định không được sử dụng thường xuyên trong văn nói hằng ngày, nhưng lại được sử dụng rất nhiều trong văn viết (“*We don’t use non-defining relative clauses or non-restrictive clauses often in everyday speech, but they occur*

frequently in written English.”) [24,142]. Trong khi các tác giả khác ủng hộ việc sử dụng đại từ quan hệ “*that*” thay cho “*who*”, “*whom*” hoặc “*which*” để không cần phải phân biệt CBB làm định ngữ bổ nghĩa cho danh từ chỉ người hay chỉ vật thì Hewings M. khuyên không nên sử dụng “*that*” (“*It is probably safer not to use it.*”) [24, 142]. Ông cho rằng nên bỏ tác tử phụ ngữ hóa “**That**” trong CBB làm bổ ngữ của một số vị từ chỉ sự phát biểu.

Theo các nhà ngôn ngữ khác thì tiếng Anh chỉ có 2 loại CBB làm định ngữ: hạn định (restrictive hay còn gọi là defining) và không hạn định (non-restrictive hay còn gọi là non-defining). Hầu hết họ chỉ chú ý đến CBB làm định ngữ cho danh từ hoặc danh ngữ nhưng Thomson A. J. và Martinet A. V. lại cho rằng có 3 loại CBB: hạn định, không hạn định, và liên kết (connective) [18, 69]; và CBB làm định ngữ liên kết chính là CBB làm định ngữ của cả câu, ví dụ: “*They played the drum all night, **which** annoyed us all.*” [18, 77] (Họ chơi trống suốt đêm làm phiền chúng tôi). Hai ông cũng có ý kiến khác với các tác giả khác khi cho rằng “**What**” cũng là đại từ quan hệ (relative pronoun). Hai ông cho ví dụ “*Tell me **what** he said*” và phân tích “*what he said*” là CBB làm định ngữ. Điều này hoàn toàn trái ngược với ý của các nhà ngữ học khác vì họ đều phân tích đó là CBB làm bổ ngữ. Thomson A. J. và Martinet A. V. viết “*What he needs is a steady job.*” [18, 77] có CBB “**What he needs**” làm định ngữ và không đồng ý đó

là CBB làm chủ ngữ trong câu như các tác giả khác. Thomson A. J. và Martinet A. V. đặc biệt quan tâm đến CBB làm bổ ngữ trong các cấu trúc *It – Be – Tính từ – CBB*, *It – Be – Danh từ / Danh ngữ – CBB*, và *Chủ ngữ – Be – Tính từ – CBB* [18, 261].

3. Kết luận

Trên đây là ý kiến của một số tác giả có nghiên cứu đến vấn đề CBB trong câu tiếng Việt và tiếng Anh mà chúng tôi đã khảo sát được. Cho dù ý kiến của họ còn đôi chỗ khác nhau, nhưng đóng góp của họ trong quá trình nghiên cứu cú

pháp tiếng Việt và tiếng Anh là rất lớn. Để dễ dàng hơn cho người học và các nhà nghiên cứu sau này, thiết nghĩ nên có sự thống nhất về thuật ngữ và cách phân loại câu có chứa CBB tiếng Việt. Những ý kiến khác nhau về việc xác định cú danh ngữ và cú định ngữ trong tiếng Anh cũng cần phải đi đến một kết luận chung để dễ dàng cho người học tiếng, khi mà nhu cầu học tiếng Anh ngày càng trở nên cấp thiết trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

¹Kết cấu chủ-vị làm thành phần trong câu (chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, định ngữ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (2009), *Ngữ pháp Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
3. Nguyễn Tài Cẩn (1981), *Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng – Từ ghép – Đoản ngữ*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2006), *Lược sử Việt ngữ học (Tập 1)*, Nxb Giáo dục.
5. Cao Xuân Hạo, Hoàng Xuân Tâm, Nguyễn Văn Bằng, Bùi Tất Tuôm (2007), *Ngữ pháp chức năng Tiếng Việt (tập 1): Câu trong tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
6. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Chí Hòa (2006), *Ngữ pháp tiếng Việt thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Phan Khôi (2004 – tái bản), *Việt ngữ nghiên cứu*, Nxb Đà Nẵng.
9. Trần Trọng Kim (2007), *Việt Nam văn phạm*, Nxb Thanh niên.
10. Lưu Văn Lăng (1998), *Ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
11. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
12. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt: Câu*, Nxb Đại học – Trung học chuyên nghiệp.
13. Lê Xuân Thại (1994), *Câu chủ-vị tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội.
14. Nguyễn Kim Thản (1997), *Nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
15. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (1998), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
16. Bùi Đức Tịnh (1996), *Văn phạm Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Panfilov V.S. (1993), *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

18. Thomson A.J., Martinet A.V., *Oxford Pocket English Grammar*, Oxford University Press.
19. Seaton A. (2007), *Focus on Grammar – A comprehensive course in English Grammar for intermediate and advanced students*, Learner publishing Pte Ltd.
20. Azar B. S. (2011), *Fundamentals of English Grammar*, Longman.
21. Cobuild C. (1990), *English Grammar*, William Collins Sons & Co.Ltd.
22. Jackson H. (1981), *Analyzing English – An introduction to descriptive linguistics*, Pergamon Institute of English.
23. Kaplan J.P. (1989), *English Grammar Principles and Facts*, Prentice Hall.
24. Hewings M. (2000), *Advanced Grammar in Use*, Cambridge University Press.
25. Swan M. (2010), *Practical English usage*, Oxford University Press.
26. Berk L.M. (1999), *English syntax – from words to discourse*, Oxford University Press.
27. Jacobs R.A. (1995), *English Syntax – A grammar for English Language Professionals*, Oxford University Press.
28. Huddleston R. (1988), *English Grammar – An outline*, Cambridge University Press.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-6-2013; ngày phản biện đánh giá: 01-7-2013;
ngày chấp nhận đăng: 22-8-2013)